TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/HSST
Ngày: 06/9/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huynh.

Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2018/HSST ngày 26/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HS ngày 16/8/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị V (tên gọi khác Bé), sinh năm 1991 tại Bình Định.

HKTT: Tổ 1, ấp C, xã N, huyện P, Đồng Nai.

Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Nguyễn V, sinh năm 1968.

Họ và tên mẹ: Đặng T, sinh năm 1969.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và có chồng tên là Bùi V (đã ly hôn năm 2013). Có 01 người con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

2. Trương T (tên gọi khác đen), sinh năm 1980 tại Đà Nẵng.

HKTT: Tổ 1, ấp V, xã M, huyện P, Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Trương A, sinh năm 1944 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Trần T, sinh năm 1957.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và có vợ tên là Nguyễn H, sinh năm 1982. Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/12/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Chấp hành xong ngày 25/10/2007.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

3. Đặng M (tên gọi khác si), sinh năm 1985 tại Đồng Nai.

HKTT: Tổ 4, ấp A, xã N, huyện P, Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Đặng S, sinh năm 1939 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Nguyễn N, sinh năm 1954.

Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và có vợ tên là Nguyễn H, sinh năm 1994. Có 01 người con sinh năm 2013.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 13/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong ngày 07/12/2017.

Nhân thân: Ngày 20/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong ngày 31/8/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

4. Nguyễn T, sinh năm 1989 tại Bình Định.

HKTT: Tổ V, ấp C, xã N, huyện P, Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Không.

Họ và tên cha: Nguyễn V, sinh năm 1968.

Họ và tên mẹ: Đặng T, sinh năm 1969.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

Người bị hại:

Lê D, sinh năm 1985.

HKTT: Tổ 4, ấp V, xã N, huyện P, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/5/2018, Nguyễn Thị V cho Lê D mượn số tiền 27.000.000đ, lãi suất các bên tự thỏa thuận. Khi V yêu cầu D trả số tiền nói trên thì D không trả và tắt điện thoại. Đến 11 giờ 00 ngày 17/5/2018, V gọi điện thoại cho D hỏi lý do không trả tiền và dẫn đến việc cự cãi lẫn nhau nên V nhờ Trương T chở đi tìm D để đòi nợ. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60C1-858.79 chở V đi tìm D, do T biết D đang nợ tiền Đặng M nên T gọi điện thoại rủ M cùng đi tìm D để đòi tiền. Do M không có xe nên V gọi điện thoại cho Nguyễn T là anh ruột của V đến chở M rồi hẹn nhau ở quán cà phê F thuộc xã M để cùng nhau đi tìm D. Khi M và T đến thì có thêm Bợm và Đực (không rõ họ tên, địa chỉ) là bạn của M đi cùng. Thấy đông người nên V mượn xe ô tô 7 chỗ hiệu Innova biển kiểm soát 60A-423.84 của chị Lưu P rồi T gọi điện thoại cho Đinh P nhờ làm tài xế chở cả nhóm đi tìm D. Đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, P điều khiển xe ô tô đi từ quán cà phê F đến cây xăng đôi thuộc địa phận xã N thì T thấy D đang đứng cạnh xe môtô phía bên kia đường nên kêu P lái xe băng qua để gặp D. Khi D nhìn thấy nhóm của V trên xe ô tô thì bỏ chạy vào khu vực chợ chiều thuộc xã N. Thấy vậy, V, M, Bợm và Đực xuống xe đuổi theo D, T và T chạy theo sau, P ở lại giữ xe không tham gia đuổi bắt D. Sau khi cả nhóm đi tìm thì phát hiện D đang trốn trong căn nhà hoang, V xông vào dùng tay đánh D, M đấm đá vào người D, T đến nắm cổ áo D kéo ra ngoài và nói để đưa D về nhà gặp cha mẹ D nên cả nhóm đồng ý. T nắm cổ áo D kéo đi, trên đường đi, V tiếp tục nhặt một cây gỗ đánh vào người D, M, T, Bợm, Đực đi phía sau canh chừng không cho D bỏ chạy. Khi ra đến nơi, T đẩy D lên xe ô tô, V đưa T 50.000đ để T đổ xăng xe mô tô của D chạy theo sau. Trên đường về, V nói D kêu cha mẹ D ra nói chuyện trả nợ nhưng D nói không có tiền trả nên V dùng một con dao bằng kim loại, màu trắng dài khoảng 20cm mang theo từ trước đâm một nhát trúng vào đầu gối chân phải của D, M dùng khủy tay giật thúc vào người D 02 cái, lúc này V kêu Phòng lái xe ô tô đến quán cà phê F thuộc ấp V, xã M và kêu D gọi điện thoại cho cha mẹ D ra nói chuyện. Khi đến quán cà phê, V, D, M, Bợm, Đực cùng đi vào trong quán còn Phòng chở T đi công việc, trong lúc chờ cha mẹ D đến thì M có dùng tay đánh vào người D 04 cái, khoảng 30 phút sau cha mẹ D đến thỏa thuận trả nợ cho V và M xong thì D ra về và đến Công an xã M tố cáo hành vi bắt người trái pháp luật của V và đồng phạm.

Vật chứng vụ án: 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 20cm Nguyễn Thị V tự nguyện giao nộp.

Đối với Đinh P, do Trương T gọi điện nhờ lái xe chở đi công việc và không biết, không tham gia việc bắt giữ Lê D nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Thị V có hành vi dùng dao gây thương tích cho Lê D nhưng Lê D không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với người tên Bợm và Đực do không rõ tên, tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành tiến hành xác M và sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 85/CT-VKSLT ngày 20/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T về tội "Bắt người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo:

+ Nguyễn Thị V từ 05 tháng tù đến 06 tháng tù.

+ Trương T từ 05 tháng tù đến 06 tháng tù.

+ Đặng M từ 04 tháng tù đến 05 tháng tù.

+ Nguyễn T 03 tháng 20 ngày tù.

Về tội "Bắt người trái pháp luật".

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T cùng khai nhận do Lê D vay mượn tiền của Nguyễn Thị V không trả nên V rủ Trương T, Đặng M và Nguyễn T đi tìm D để đòi nợ. Khi cả

nhóm gặp D thì D bỏ chạy nên V, T, M và T đuổi theo bắt giữ đưa lên xe ô tô đến quán cà phê F thuộc địa phận xã M để yêu cầu gia đình D đến thương lượng việc trả nợ. Sau khi được gia đình Lê D đồng ý trả nợ cho D thì cả nhóm mới thả D về.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T phạm tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hiện nay, tình hình cho vay tín dụng giữa các cá nhân với nhau tại địa phương diễn biến phức tạp, một số đối tượng lợi dụng lòng tin của người dân cho vay tín dụng theo hình thức trả góp và lấy lãi cao khiến nhiều người dân mất khả năng thanh toán dẫn đến việc các đối tượng cho vay dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực buộc người vay phải trả tiền làm cho tình hình an ninh, trật tự tại địa phương mất ổn định, ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung đồng thời làm bài học cho những người khác về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Thị V là người trực tiếp rủ rê các bị cáo khác tham gia việc bắt người và cũng là người trực tiếp và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Các bị cáo Trương T, Đặng M là đồng phạm giúp sức tích cực cho V, các bị cáo tham gia bắt và đánh đập Lê D và cũng là người trực tiếp bắt giữ D, do đó cần phải xử phạt các bị cáo tương xứng với hình phạt áp dụng cho bị cáo V. Đối với Nguyễn T, mặc dù được em gái là Nguyễn Thị V rủ rê đi đòi nợ không trực tiếp tham gia bắt Lê D nhưng bị cáo đi chung cổ vũ giúp sức cho các bị cáo khác nên cũng cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Nguyễn Thị V có hành vi dùng dao gây thương tích cho Lê D nhưng Lê D không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với người tên Bợm và Đực do không rõ tên, tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành tiến hành xác M và sẽ xử lý sau.

Đối với Lưu P có hành vi cho các bị cáo mượn xe ô tô nhưng không biết các bị cáo dùng xe vào mục đích phạm tội nên không xem xét xử lý.

Đối với Đinh P có hành vi lái xe ô tô chở các bị cáo đi bắt giữ Lê D, tuy nhiên, P không tham gia bắt giữ người mà chỉ làm tài xế nên không xem xét xử lý.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo không có. Tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Nguyễn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặt khác có lỗi gián tiếp từ người bị hại nên cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 20cm theo Quyết định chuyển vật chứng số 88/QĐ-VKSLT ngày 20/7/2018 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V **05 (năm)** tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật". Thời hạn tù được tính từ ngày 17/5/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trương T **05 (năm)** tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật". Thời hạn tù được tính từ ngày 17/5/2018.

Xử phạt bị cáo Đặng M **05 (năm)** tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật". Thời hạn tù được tính từ ngày 17/5/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn T **03 (ba)** tháng **20 (hai mươi)** ngày tù về tội "Bắt người trái pháp luật". Thời hạn tù được tính từ ngày 17/5/2018.

Áp dụng khoản 5 điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trả tự do cho bị cáo Nguyễn T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 20cm theo Quyết định chuyển vật chứng số 88/QĐ-VKSLT ngày 20/7/2018 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T mỗi người phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo Nguyễn Thị V, Trương T, Đặng M và Nguyễn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Lê D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND, CA - H.Long Thành.
- Chi cục THA.DS H.Long Thành.
- UBND xã N, xã M.
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VP, TP(H).

Mai Sỹ Tuân